

Phần Hai - Năm Mười Kinh Thứ Hai

I. Phẩm Vô Minh

Nhân duyên ở Sattthi.

53.I. Vô Minh (S.iv,30)

1) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Do biết như thế nào, bạch Thế Tôn, do thấy như thế nào, vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi?

4) -- Này Tỷ-kheo, do biết, do thấy mắt là vô thường, vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi. Do

biết, do thấy các sắc là vô thường, vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi... nhãn thức... nhãn

xúc... Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc ; do biết, do thấy cảm thọ ấy

là vô thường, vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi.

5-8) Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...

9) Do biết, do thấy ý là vô thường, vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi... Các pháp... Ý thức...

Ý xúc... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc ; do biết, do thấy cảm thọ ấy

là vô thường, vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi.

10) Do biết như vậy, này các Tỷ-kheo, do thấy như vậy, vô minh được đoạn tận, minh được sanh khởi.

54.II Kiết Sử(1) (S.iv,31)

1) ...

3)-- Do biết như thế nào, bạch Thế Tôn, do thấy như thế nào, các kiết sử được đoạn tận?

4-9) -- Này các Tỷ-kheo, do biết, do thấy mắt là vô thường, các kiết sử được đoạn tận... Các sắc... Nhãn

thức... Nhãn xúc... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì ; do biết, do thấy cảm thọ ấy là vô thường, các

kiết sử được đoạn tận.

10) Do biết như vậy, này các Tỷ-kheo, do thấy như vậy, các kiết sử được đoạn tận.

55.III. Kiết Sử (2) (S.iv,31)

1-2) ...

3) -- Do biết như thế nào, bạch Thế Tôn, do thấy như thế nào, các kiết sử được nhỏ sạch?

4-6) -- Này các Tỷ-kheo, do biết, do thấy mắt là vô ngã, các kiết sử được nhỏ sạch... Các sắc... Nhãn

thức... Nhãn xúc... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc ; do biết, do thấy

cảm thọ ấy là vô ngã, các kiết sử được nhỏ sạch.

10) Do biết như vậy, này các Tỷ-kheo, do thấy như vậy, các kiết sử được nhỏ sạch.

56-57.IV-V. Các Lộ Hoặc (1-2) (S.iv,32)

(Như hai kinh trên, chỉ thế vào các lộ hoặc).

58-59.VI-VII. Các Tùy Miên (1-2) (S.iv,32)

(Như hai kinh trên, chỉ thế vào các tùy miên).

60.VIII. Liễu Tri (Parijñā) (S.iv,32)

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Ông về pháp đưa đến liễu tri tất cả chấp thủ. Hãy lắng nghe.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp đưa đến liễu tri tất cả chấp thủ?

4) Do duyên mắt và các sắc khởi lên nhãn thức. Do ba pháp này hợp lại có xúc. Do duyên xúc có thọ.

Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhằm chán đối với mắt, nhằm chán đối với các sắc,

nhằm chán đối với nhãn thức, nhằm chán đối với nhãn xúc, nhằm chán đối với thọ. Do nhằm chán,

vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy được giải thoát. Nhờ giải thoát, vị ấy biết rõ: "Ta đã liễu tri chấp thủ".

5-8) Do duyên tai và các tiếng khởi lên nhĩ thức... Do duyên mũi và các hương... Do duyên lưỡi và các

vị... Do duyên thân và các xúc...

9) Do duyên ý và các pháp khởi lên ý thức. Do ba pháp này hợp lại có xúc. Do duyên xúc có thọ. Thấy

vậy, này các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhằm chán đối với ý, nhằm chán đối với các pháp, nhằm

chán đối với ý thức, nhằm chán đối với ý xúc, nhằm chán đối với thọ. Do nhằm chán, vị ấy ly tham. Do

ly tham, vị ấy được giải thoát. Nhờ giải thoát, vị ấy biết rõ: "Ta đã liễu tri chấp thủ".

10) Như vậy, này các Tỷ-kheo, là pháp đưa đến liễu tri tất cả chấp thủ.

61.IX. Được Chấm Dứt (1) (Pariyādinnaṃ) (S.iv,33)

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Ông về pháp đưa đến chấm dứt tất cả chấp thủ. Hãy lắng nghe.

nghe.

3) Và thế nào, này các Tỷ-kheo, là pháp đưa đến chấm dứt tất cả chấp thủ?

4) Do duyên con mắt và các sắc khởi lên nhãn thức. Do ba pháp này hợp lại có xúc. Do duyên xúc có

thọ. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhằm chán đối với mắt, nhằm chán đối với các

sắc, nhằm chán đối với nhãn thức, nhằm chán đối với nhãn xúc, nhằm chán đối với thọ. Do nhằm chán,

vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy được giải thoát. Nhờ giải thoát, vị ấy biết rõ: "Ta đã chấm dứt chấp

thủ".

5-8) ... tai... mũi... lưỡi... thân...

9) Và do duyên ý và các pháp khởi lên ý thức. Do ba pháp này hợp lại có xúc. Do duyên xúc có thọ.

Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhằm chán đối với ý, nhằm chán đối với các pháp,

nhằm chán đối với ý thức, nhằm chán đối với ý xúc, nhằm chán đối với thọ. Do nhằm chán, vị

ấy ly

tham. Do ly tham, vị ấy được giải thoát. Nhờ giải thoát, vị ấy biết rõ: "Ta đã chấm dứt chấp

thủ".

62.X. Được Chấm Dứt (2) (S.iv,34)

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Ông về pháp đưa đến chấm dứt tất cả chấp thủ.

3) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp đưa đến chấm dứt tất cả chấp thủ?

4) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, mắt là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi. Cái

này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- Sắc... Nhãn thức... Nhãn xúc... Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì...

5-8) Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...

9) Ý... Các pháp... Ý thức... Ý xúc... Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc;

cảm thọ ấy là thường hay vô thường...

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn....

10) -- Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhằm chán đối với mắt, nhằm chán đối với

các sắc, nhằm chán đối với nhãn thức, nhằm chán đối với nhãn xúc. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm

thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy nhằm chán đối với cảm thọ ấy...

Đối với tai... Đối với mũi... Đối với lưỡi... Đối với thân...

Vị ấy nhằm chán đối với ý, nhằm chán đối với các pháp, nhằm chán đối với ý thức, nhằm chán đối với ý

xúc. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy nhằm chán đối với cảm thọ

ấy. Do nhằm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết

rằng: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm,

không còn trở lui trạng thái này nữa".

11) Đây, này các Tỷ-kheo, là pháp đưa đến chấm dứt tất cả chấp thủ.

II. Phẩm Migajàla

63.I. Bối Migajàla (S.iv,35)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi...

2) Tôn giả Migajàla đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Migajàla bạch Thế Tôn:

-- "Sống một mình! Sống một mình!", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, cho đến như

thế nào là sống một mình? Và cho đến như thế nào là sống có người thứ hai?

4) -- Này Migajàla, có những sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp

dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ, tán dương và trú với lòng tham luyến sắc ấy; do vị ấy hoan hỷ, tán dương

và trú với lòng tham luyến sắc ấy nên hỷ (nandi) khởi lên. Do hỷ có mặt nên dục tham (sàrago) có mặt.

Do dục tham có mặt nên triền phược có mặt. Bị triền buộc bởi hỷ triền phược, này Migajàla, nên Tỷ-kheo

được gọi là người sống có người thứ hai.

5-8) ... có những tiếng do tai nhận thức... có những hương do mũi nhận thức... có những vị do lưỡi nhận

thức... có những xúc do thân nhận thức...

9) Này Migajàla, có những pháp do ý nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn.

Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ, tán dương và trú với lòng tham luyện pháp ấy ; do vị ấy hoan hỷ, tán dương và trú với lòng tham luyện pháp ấy nên hỷ khởi lên. Do hỷ có mặt nên dục tham có mặt. Do dục tham có mặt nên triền phược có mặt. Bị trói buộc bởi hỷ triền phược, này Migajàla, nên Tỷ-kheo được gọi là người sống có người thứ hai.

10) Tỷ-kheo sống như vậy, này Migajàla, dầu cho đến ở các trú xứ xa vắng, các khóm rừng, các khu rừng, ít tiếng động, ít ồn ào, khỏi hơi thở quần chúng (vijanavàtani), vắng người, thích hợp với tịnh; dầu vậy, vẫn được gọi là sống với người thứ hai.

11) Vì sao? Vì rằng ái, người thứ hai, chưa được đoạn tận cho nên được gọi là sống có người thứ hai.

12-14) Và này Migajala, có các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ, không tán dương và trú với lòng không tham luyện pháp ấy; thời do vị ấy không hoan hỷ, không tán dương trú với lòng không tham luyện pháp ấy, nên hỷ đoạn diệt; thời do hỷ không có mặt nên dục tham không có mặt. Do dục tham không có mặt nên triền phược không có mặt. Do không bị trói buộc bởi hỷ triền phược, này Migajàla, nên Tỷ-kheo được gọi là người trú một mình.

15-16) ...Này Migajàla, có những vị do lười nhận thức...

17) Này Migajàla, có những pháp do ý nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ, không tán dương và trú với tâm không tham luyện pháp ấy; thời do vị ấy không hoan hỷ, không tán dương, trú với tâm không tham luyện pháp ấy nên hỷ đoạn diệt. Do hỷ không có mặt nên dục tham không có mặt. Do dục tham không có mặt nên triền phược không có mặt.

Do không bị trói buộc bởi hỷ triền phược, này Migajàla, nên Tỷ-kheo được gọi là người trú một mình.

18) Tỷ-kheo sống như vậy, này Migajàla, dầu có ở giữa làng tràn đầy những Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, vua chúa, đại thần của vua, các ngoại đạo và các đệ tử các ngoại đạo, vị ấy vẫn được gọi là vị sống một mình.

19) Vì sao? Vì rằng ái, người thứ hai, được đoạn tận, do vậy được gọi là sống một mình.

64.II. Migajàla (S.iv,37)

1) ...

2) Rồi Tôn giả Migajàla đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Migajàla bạch Thế Tôn:

-- Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết pháp vắn tắt cho con. Sau khi nghe pháp ấy con sẽ sống

một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

4-6) -- Nay Migajàla, có những sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ, tán dương, sống với tâm tham luyến sắc ấy ; do vị ấy hoan hỷ, tán dương, sống với tâm tham luyến sắc ấy nên hỷ sanh. Nay Migajàla, Ta nói rằng do hỷ tập khởi nên khổ tập

khởi... Các tiếng... Các hương...

7-8)... Các vị... Các xúc...

9) Nay Migajàla, có những pháp do ý nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn.

Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ, tán dương, sống với tâm tham luyến pháp ấy ; do vị ấy hoan hỷ, tán dương sống

với tâm tham luyến pháp ấy nên hỷ sanh. Nay Migajàla, Ta nói rằng do hỷ tập khởi nên khổ tập khởi.

10-12) Nay Migajàla, có những sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ, không tán dương, sống với tâm không tham luyến sắc ấy ; do vị ấy

không hoan hỷ, không tán dương, sống với tâm không tham luyến, không an trú tham luyến sắc ấy nên

hỷ diệt. Nay Migajàla, Ta nói rằng do hoan hỷ đoạn diệt nên khổ đoạn diệt... Các tiếng... Các hương...

13-14)... Các vị... Các xúc...

15) Nay Migajàla, có những pháp do ý nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn.

Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ, không tán dương, sống với tâm không tham luyến pháp ấy ; do vị ấy

không hoan hỷ, không tán dương, sống với tâm không tham luyến pháp ấy nên hỷ diệt. Nay Migajàla,

Ta nói rằng do hỷ đoạn diệt nên khổ đoạn diệt.

16) Rồi Tôn giả Migajàla, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ

Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

17) Rồi Tôn giả Migajàla sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu

đạt được mục đích mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chính

là mục đích cứu cánh Phạm hạnh, ngay trong hiện tại với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an

trú. Vị ấy biết rõ rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc gì nên làm đã làm, không còn trở

lui trạng thái này nữa".

18) Và Tôn giả Migajàla trở thành một vị A-la-hán nữa.

65.III. Samiddhi (I) (S.iv,38)

1) Một thời Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2-3) Rồi Tôn giả Samiddhi đi đến Thế Tôn... và bạch Thế Tôn:

-- "Màra, Màra", như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là Màra, hay là danh nghĩa

Màra (Màrapannatti)?

4) -- Này Samiddhi, chỗ nào có mắt, có các sắc, có nhãn thức, có các pháp do mắt nhận thức, tại chỗ ấy

có Màra, hay có danh nghĩa Màra.

5-6)... có tai... có mũi...

7-8)... có lưỡi... có thân...

9) Chỗ nào có ý, có các pháp, có ý thức, có các pháp do ý nhận thức, chỗ ấy có Màra, hay có danh nghĩa

Màra.

10-12) Và này Samiddhi, chỗ nào không có mắt, không có các sắc, không có nhãn thức, không có các

pháp do mắt nhận thức, tại chỗ ấy không có Màra, hay không có danh nghĩa Màra... tai... mũi...

13-14) Chỗ nào không có lưỡi... không có thân...

15) Chỗ nào không có ý, không có các pháp, không có ý thức, không có các pháp do ý nhận thức, tại chỗ

ấy không có Màra, hay không có danh nghĩa Màra.

66.IV. Samiddhi (2) (S.iv,39)

1-2) ...

3-15)-- "Hữu tình, hữu tình (Satta)", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch

Thế Tôn, là hữu tình, hay danh nghĩa hữu tình?... (như trên)...

67.V. Samiddhi (3) (S.iv,39)

1-2) ...

3-15) -- "Khô, khô", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là khô,

hay là danh nghĩa của khô?... (như trên)...

68.VI. Samiddhi (4) (S.iv,39)

1-2) ...

3)... "Thế giới, thế giới", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là

thế giới, hay là danh nghĩa thế giới?

4-9) -- Chỗ nào, này Samiddhi, có mắt, có các sắc, có nhãn thức, có các pháp do mắt nhận thức, tại chỗ

ấy có thế giới, hay danh nghĩa thế giới... (như trên)... Chỗ nào có ý, có các pháp, có ý thức, có các pháp

do ý nhận thức, tại chỗ ấy có thế giới hay có danh nghĩa thế giới.

10-15) Và tại chỗ nào, này Samiddhi, không có mắt, không có các sắc, không có nhãn thức, không có

các pháp do mắt nhận thức, tại chỗ ấy không có thế giới, hay không có danh nghĩa thế giới... không có

ý... tại chỗ ấy, không có thế giới hay không có danh nghĩa thế giới.

69.VII. Upasena (S.iv,40)

1) Một thời Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Upasena trú ở Ràjagaha (Vương Xá), rừng Sitavana (Hàn

Lâm), tại hang Đầu Con Rắn (Sappapon-dikapabbàra).

2) Lúc bấy giờ, một con rắn độc roi trên thân Tôn giả Upasena.

3) Rồi Tôn giả Upasena gọi các Tỷ-kheo:

-- Chư Hiền, hãy đến và nhắc cái giường cùng với cái thân này của tôi đưa ra ngoài, trước khi thân này ở

đây phân tán như một nắm rom.

4) Được nói vậy, Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Upasena:

-- Nhưng chúng tôi không thấy thân Tôn giả Upasena đổi khác hay các căn bị biến hoại.

5) Nhưng Tôn giả Upasena nói như sau:

-- Nay chư Hiền, hãy đến và nhắc cái giường cùng với cái thân này của tôi đưa ra ngoài, trước khi thân

này ở đây bị phân tán như một nắm rom...

6) Nay Hiền giả Sàriputta, đối với ai nghĩ rằng: "Tôi là con mắt", hay: "Con mắt là của tôi"... "Tôi là cái

lưỡi", hay: "Cái lưỡi là của tôi"... "Tôi là ý", hay: "Ý là của tôi", thời đối với các người ấy, nay Hiền giả

Sàriputta, thân có thể bị đổi khác, hay các căn bị biến hoại. Và nay Hiền giả Sàriputta, tôi không nghĩ

như sau: "Tôi là con mắt", hay: "Con mắt là của tôi"... "Tôi là cái lưỡi", hay: "Cái lưỡi là của tôi"... hay:

"Tôi là ý", hay: "Ý là của tôi", thời nay Hiền giả Sàriputta, làm sao thân ấy của tôi lại có thể đổi khác,

hay các căn có thể biến hoại.

7) Vì rằng trong một thời gian dài, Tôn giả Upasena đã khéo nhỏ tận gốc ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn

tùy miên, cho nên Tôn giả Upasena không có những tư tưởng như: "Tôi là con mắt", hay: "Con mắt là

của tôi"... hay: "Tôi là cái lưỡi", hay: "Lưỡi là của tôi"... hay: "Tôi là ý", hay: "Ý là của tôi".

8) Rồi các Tỷ-kheo ấy nhắc cái giường cùng với Tôn giả Upasena ra ngoài.

9) Rồi thân của Tôn giả Upasena, ngay tại chỗ ấy phân tán như một nắm rom.

70.VIII. Upavàna (1) (S.iv,41)

1) ...

2) Rồi Tôn giả Upavàna đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Upavàna bạch Thế Tôn:

-- "Thiết thực hiện tại, thiết thực hiện tại (Sanditthika)", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Cho đến

như thế nào, bạch Thế Tôn, là thiết thực hiện tại, có kết quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng

thượng, được những người có trí tự mình giác hiểu?

4) -- Ở đây, này Upavàna, sau khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo cảm thọ sắc và cảm thọ tham sắc có nội tham

đối với các sắc; vị ấy biết rõ: "Tôi có nội tham đối với các sắc". Cho đến chừng nào sau khi mắt thấy

sắc, Tỷ-kheo cảm thọ sắc và cảm thọ tham sắc, và có nội tham đối với các sắc; vị ấy biết rõ: "Tôi có nội

tham đối với các sắc". Như vậy, này Upavàna, là thiết thực hiện tại, có kết quả tức thời, đến để mà thấy,

có khả năng hướng thượng, được những người trí tự mình giác hiểu.

5-6) Lại nữa, này Upavàna, Tỷ-kheo sau khi tai nghe tiếng... sau khi mũi ngửi hương...

7-8) Lại nữa, này Upavàna, Tỷ-kheo sau khi lưỡi nếm vị... thân cảm xúc...

9) Lại nữa, này Upavàna, sau khi ý nhận biết pháp, Tỷ-kheo cảm thọ pháp và cảm thọ tham pháp, và có

nội tham đối với các pháp; vị ấy biết rõ: "Tôi có nội tham đối với các pháp". Cho đến chừng nào sau khi

ý nhận biết pháp, Tỷ-kheo cảm thọ pháp và cảm thọ tham pháp, và có nội tham đối với các pháp; và ở đây

biết rõ: "Tôi có nội tham đối với các pháp". Như vậy, này Upavàna, là thiết thực hiện tại, có kết quả tức

thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được những người trí tự mình giác hiểu.

10) Ở đây, này Upavàna, sau khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo cảm thọ sắc, nhưng không cảm thọ tham sắc, và

không có nội tham đối với sắc; vị ấy biết rõ: "Tôi không có nội tham đối với sắc". Cho đến chừng nào,

này Upavàna, sau khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo cảm thọ sắc, nhưng không cảm thọ tham sắc, và không có

nội tham đối với các sắc; vị ấy biết rõ: "Tôi không có nội tham đối với các sắc". Như vậy, này Upavàna,

là thiết thực hiện tại, có kết quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được những người

trí tự mình giác hiểu.

11-14) Lại nữa, này Upavàna, Tỷ-kheo sau khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân

cảm xúc...

15) Lại nữa, này Upavàna, sau khi ý nhận thức pháp, Tỷ-kheo cảm thọ pháp nhưng không cảm thọ tham

pháp, và không có nội tham đối với pháp; vị ấy biết rõ: "Tôi không có nội tham đối với pháp". Cho đến

chừng nào, này Upavàna, Tỷ-kheo sau khi ý nhận thức pháp, cảm thọ pháp nhưng không cảm thọ tham

pháp, và không có nội tham đối với pháp; vị ấy biết rõ: "Tôi không có nội tham đối với pháp". Như vậy,

này Upavàna, là thiết thực hiện tại, có kết quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, chỉ

những người có trí tự mình giác hiểu.

71.IX. Sáu Xúc Xứ (1) (S.iv,43)

1) ...

2) -- Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy

hiểm, sự xuất ly của sáu xúc xứ; vị ấy không thành tựu Phạm hạnh, còn đứng xa Pháp và Luật này.

3) Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

-- Ở đây, bạch Thế Tôn, con đã thất vọng (anassàsìm). Bạch Thế Tôn, con không như thật biết rõ sự tập

khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu xúc xứ.

4-6) -- Ông nghĩ thế nào, này Tỷ-kheo? Ông có quán con mắt: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này

là tự ngã của tôi"?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

-- Lành thay, này Tỷ-kheo. Ở đây, này Tỷ-kheo, do Ông như thật thấy con mắt với chánh trí tuệ: "Cái

này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi"; như vậy là khéo

thấy. Đây là khổ được đoạn tận... tai... mũi...

7-8) ... lưỡi... thân...

9) Ông nghĩ thế nào, này Tỷ-kheo? Ông có quán ý: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã

của tôi"?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

-- Lành thay, này Tỷ-kheo. Ở đây, này Tỷ-kheo, do Ông như thật thấy ý với chánh trí tuệ:

"Cái này

không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi"; như vậy là khéo thấy.

Đây là khổ đoạn tận.

72.X. Sáu Xúc Xứ (2) (S.iv,44)

1) ...

2) -- Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy

hiểm và sự xuất ly của sáu xúc xứ; vị ấy không thành tựu Phạm hạnh, còn đứng xa Pháp và Luật này.

3) Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

-- Ở đây, bạch Thế Tôn, con thất vọng. Bạch Thế Tôn, con không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn

diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu xúc xứ.

4-6) -- Ông nghĩ thế nào, này Tỷ-kheo? Ông có quán con mắt: "Cái này không phải của tôi, cái này

không phải là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thừa có vậy, bạch Thế Tôn.

-- Lành thay, này Tỷ-kheo. Ở đây, này Tỷ-kheo, do Ông như thật thấy con mắt với chánh trí tuệ: "Cái

này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Như vậy là khéo

thấy; như vậy xúc xứ thứ nhứt này sẽ được Ông đoạn tận, không còn tái sinh nữa trong tương lai... tại...

mũi...

7-8)... lưỡi... thân...

9) Ông nghĩ thế nào, này Tỷ-kheo? Ông có quán ý: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là

tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi"?

-- Thừa có vậy, bạch Thế Tôn.

-- Lành thay, này Tỷ-kheo. Ở đây, này Tỷ-kheo, do Ông như thật thấy ý với chánh trí tuệ:

"Cái này

không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi"; như vậy là khéo thấy.

Như vậy xúc xứ thứ sáu này sẽ được Ông đoạn tận, không còn tái sinh nữa trong tương lai.

73.XI. Sáu Xúc Xứ (3) (S.iv,44)

1) ...

2) -- Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy

hiểm, và sự xuất ly của sáu xúc xứ; vị ấy không thành tựu Phạm hạnh, còn đứng xa Pháp và Luật này.

3) Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

-- Ở đây, bạch Thế Tôn, con thất vọng. Bạch Thế Tôn, con không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn

diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu xúc xứ.

4-6) -- Ông nghĩ thế nào, này Tỷ-kheo, mắt là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái

này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

5-8) -- Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...

9) Ý là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này

là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

10) -- Thấy vậy, này Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt, nhàm chán đối với tai,

nhàm chán đối với mũi, nhàm chán đối với lưỡi, nhàm chán đối với thân, nhàm chán đối với ý.

Do nhàm

chán nên vị ấy ly tham. Do ly tham vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta

đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không

còn trở lui trạng thái này nữa".